

## CHÍNH SÁCH THỦY LỢI PHÍ Ở VIỆT NAM - BÀN LUẬN VÀ PHÂN TÍCH DƯỚI GÓC ĐỘ KINH TẾ HỌC

Nguyễn Trung Dũng<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Thủy lợi phí (TLP) là một đề tài có tính thời sự cao, đặc biệt sau bảy năm áp dụng chính sách cấp bù TLP theo ND 115/2008/NĐ-CP thì nảy sinh nhiều vấn đề bất cập như một số nghiên cứu đã nêu. Trong bài báo này, tác giả dựa vào nguồn tài liệu thu thập phong phú, tiến hành phỏng vấn chuyên gia về TLP và khảo sát thực tế ở nhiều tỉnh, trên cơ sở đó đã hệ thống hóa các chính sách TLP ở Việt Nam trong 70 năm qua cũng như phân tích ba chính sách tiêu biểu đại diện cho các giai đoạn dưới góc độ của kinh tế học, nghĩa là phân tích hành vi của các tác nhân trực tiếp chịu ảnh hưởng bởi chính sách là người nông dân và công ty thủy nông/lợi.

**Từ khóa:** Thủy lợi phí, chính sách, chi phí quản lý vận hành.

### 1. GIỚI THIỆU

Ở trên thế giới, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng bằng vốn ngân sách quốc gia. Sau khi xây dựng hoàn thành, chúng được bàn giao cho một đối tượng quản lý vận hành – có thể là công ty/doanh nghiệp công ích, bán công ích hay tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi/nông, tổ chức dùng nước (WUO), chính quyền địa phương hay nhóm người hưởng lợi. Để có thể tự trang trải chi phí quản lý vận hành (O&M) và tự quyết về tài chính thì việc thu phí nước hay thủy lợi phí (TLP)<sup>2</sup> là cần thiết. Vậy mức phí nào là thích hợp? Theo Fontenelle & Molle (2002), thông thường đối với tưới trong nông nghiệp thì chỉ thu một phần chi phí O&M, đó là một tỷ lệ phần trăm nhỏ so với tổng sản phẩm nông nghiệp mang lại (nhỏ hơn 10%). Còn Nguyễn Xuân Tiệp (2006) đã đưa ra năm lý do<sup>3</sup> để từ đó nêu quan điểm: Chính phủ nên hỗ

trợ đầu tư ban đầu, kinh phí cho sửa chữa lớn và đầu tư thay thế, không thu hồi lại vốn, còn kinh phí O&M và duy tu bảo dưỡng thường xuyên thì phải huy động từ người sử dụng nước. Nếu ban hành một chính sách TLP hợp lý và hiệu quả thì có thể đạt được nhiều mục tiêu: Giải quyết tình trạng thiếu nước, nâng cao tính bền vững của công trình, đảm bảo công bằng xã hội và phát huy vai trò của cộng đồng.

Từ hàng nghìn năm nay ở nước ta dưới nhà nước phong kiến hay thuộc địa đều có những chính sách phát triển thủy lợi nhất định (Tessier, 2012). Để bù đắp phần nào chi phí xây dựng/kiến thiết thủy lợi thì người nông dân phải nộp một khoản phí, có thể là đóng góp trực tiếp công lao động trong xây dựng công trình, hay tính gộp vào trong một loại thuế hay tô nào đó. Sau này, trong những ngày đầu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch nước đã ban hành Sắc lệnh số 149/SL ngày 12.04.1953 về chính sách điền địa. Trong đó có đưa ra lý do quan trọng để thu TLP "... trả công khai phá, kiến thiết thủy lợi hoặc đã có công làm tăng năng suất ruộng đất".

Đặc biệt từ năm 2008 với việc cấp bù và miễn hoàn toàn TLP theo Nghị định 115/2008/NĐ-CP thì chính sách TLP ở nước ta đã bước sang trang mới. Chính sách này đã gây ra nhiều tranh luận về tính tích cực và tiêu cực, cái được và mất, thách thức và cơ hội ở góc độ của người nông dân và đơn vị quản lý và khai thác công trình thủy lợi (IMC) (Nguyễn Thị Song An (2008), Nguyễn Xuân Tiệp (2006, 2007 và

---

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế và quản lý, Trường Đại học Thủy Lợi.

<sup>2</sup> Khái niệm: phí nước (water fee/charge) đối với cấp nước sinh hoạt, nước công nghiệp... và thủy lợi phí (irrigation fee) đối với cấp nước cho nông nghiệp

<sup>3</sup> Năm lý do được nêu trong thư gửi Thủ tướng: (1) Nước do hệ thống thủy lợi cấp là hàng hóa đặc biệt, là chi phí đầu vào của sản xuất nông nghiệp có tưới; (2) Nông dân đã nhận thức được TLP là chi phí đầu vào như phân bón, giống, điện, nhưng phần nản chất lượng dịch vụ kém, chưa kịp thời vụ... và ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng, nhưng vẫn thu TLP của nông dân ở mức cao; (3) Đầu tư thủy lợi có sự khác nhau giữa các vùng miền; (4) Nếu bỏ TLP sẽ gây khó khăn lớn về tài chính cho chính phủ; (5) Đặc điểm của công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, mang tính chính trị và xã hội. Công trình hư hỏng ngoài nguyên nhân thiên tai, còn do chính những người dân địa phương phá hoại. Thủy lợi là công việc của cộng đồng.

2008), Hoàng Thái Đại & cs (2010) và nhiều tác giả khác). Sau nhiều năm áp dụng chính sách đã bộc lộ những điểm khuyết nhất định của nó mà gần đây Phi Hùng (2015) có cảnh báo trong báo Pháp luật như: Ngân sách cấp bù thủy lợi phí là "mồi ngon" cho tham nhũng và quản lý khai thác công trình thủy nông: Tư nhân hóa, sẽ cắt giảm 1/3 ngân sách? Vì sao như vậy? Cần phải có những nghiên cứu phân tích và đánh giá một cách khoa học về chính sách hiện hành. Từ đó đề ra các giải pháp khắc phục cũng như hoàn thiện cơ chế chính sách. Trong bài này, tác giả muốn bàn luận và phân tích một cách có hệ thống chính sách TLP ở Việt Nam dưới góc độ của kinh tế học, nghĩa là tập trung vào phân tích hành vi của người nông dân và IMC trong bối cảnh về chính sách thu, miễn giảm và cấp bù TLP. Phương pháp nghiên cứu ở đây gồm: (1) Nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước, những văn bản pháp lý, chủ trương và chính sách liên quan với thủy lợi phí, (2) Nghiên cứu ở bảy tỉnh thuộc dự án cải thiện nông nghiệp có tưới WB7 (vốn của Ngân hàng thế giới) bằng nhiều phương pháp khảo sát thực địa.

## 2. THỦY LỢI PHÍ – KHÁI NIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH

Năm 1962, Hội đồng bộ trưởng (Chính phủ) ban hành *NĐ 66-CP* ngày 05.06.1962. Trong đó đã đưa ra khái niệm về TLP: "Tất cả các hệ thống nông giang do Nhà nước đầu tư vốn phục hồi hoặc xây dựng mới, sau khi đã hoạt động bình thường và sản lượng của ruộng đất được tưới hay tiêu nước đã tăng lên, đều do nhân dân, hợp tác xã hoặc nông trường quốc doanh có ruộng đất được hưởng mức chịu phí tổn về quản lý và tu sửa. *Phí tổn này gọi là thủy lợi phí*". Pháp lệnh 32/2001/PL-UBTVQH10 của Quốc hội về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đã định nghĩa một lần nữa về TLP, tiền nước (Điều 2).

Sơ đồ trong Hình 3 giải thích khái niệm này. Tổng chi phí của một mét khối nước là tổng của tất cả các loại chi phí phát sinh.

**Tổng toàn bộ chi phí các loại = En + Ec + Op + De + RR + Mc + Fc**

Về lý thuyết thì:  $TLP = De + RR + Mc + Fc$ .

Song trong thực tế miễn giảm của Chính phủ thì  $TLP = RR + Mc + Fc$ . Có thể nói, các chính sách TLP từ trước đến nay chỉ tập trung vào thu ba thành phần của tổng chi phí vận hành: PR, Mc và Fc. Khoản này được coi là *Phí* vì theo Pháp lệnh 38/2001/PL-UBTVQH10 (28.08.2001): "Khoản tiền mà tổ chức, cá nhân *phải trả* khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ). Thủy lợi phí có thể qui định khác nhau giữa người hưởng thụ vì phụ thuộc vào khả năng chi trả của họ. Nguồn thu từ phí có thể được dùng để cân đối giữa những nhóm giàu nghèo trong xã hội". Về lý thuyết có bốn phương pháp tính TLP: Diện tích tưới, loại cây trồng, khối lượng nước dùng và quyền của người sử dụng. Ngoài ra, còn phụ thuộc vào khả năng chi trả của người nông dân.

## 3. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH THU, MIỄN GIẢM VÀ CẤP BÙ THỦY LỢI PHÍ TRONG 70 NĂM QUA

### 3.1. Lược trình về chính sách thủy lợi phí từ 1949 đến nay

Kể từ năm 1949 đến nay, Chính phủ đã có nhiều văn bản qui định về công tác thủy nông và thủy lợi phí (Nguyễn Xuân Tiệp, 2008). Có thể chia làm ba giai đoạn như mô tả trong Hình 2: Thu, miễn giảm và cấp bù TLP. Cụ thể:

- Năm 1949 Chính phủ ban hành *Sắc lệnh 68/SL* ngày 18.06.1949 ấn định kế hoạch thực hành các công tác thủy nông và thể lệ bảo vệ các công trình thủy nông.

- Năm 1962 *NĐ 66-CP* ngày 05.06.1962 được ban hành. Mức TLP sẽ căn cứ vào lợi ích hưởng nước của ruộng đất và tổn phí về quản lý và tu sửa của hệ thống nông giang tùy từng loại. Đề khuyến khích sản xuất, có miễn cho vụ màu hoặc nếu kênh mương cao hơn 1,5 mét so với mực nước trung bình trong kênh mương nông giang thì không phải trả TLP. Khi đó mức thu cho tưới bằng giao động từ 140-180 kg thóc/ha. Miễn giảm TLP trong 2 năm đối với công trình mới đưa vào khai thác hoặc mất mùa do thiên tai.

- Sau 22 năm thực thi, đến 1984 Hội đồng bộ trưởng có ban hành *NĐ 112-HĐBT* ngày 25.08.1984 về việc thu TLP thay thế cho *NĐ*

66-CP. Mục đích là: (1) Bảo đảm duy trì và khai thác tốt các công trình thủy nông bằng sự đóng góp công bằng, hợp lý của những diện tích được hưởng lợi về nước; (2) Để tạo điều kiện cho các xí nghiệp thủy nông thực hiện hạch toán kinh tế, nâng cao hiệu quả phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu tưới tiêu của sản xuất nông nghiệp; (3) Để đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền và nhân dân trong việc bảo vệ, quản lý, sử dụng tốt các công trình thủy nông. Như vậy mọi tổ chức và cá nhân được hưởng lợi về tưới nước, tiêu nước hoặc các dịch vụ khác từ các công trình thủy nông do Nhà nước quản lý đều phải trả TLP cho các xí nghiệp thủy nông. Tương tự như trong Hình 3, TLP gồm các khoản: (a) Khấu hao cơ bản, khấu hao sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa thường xuyên các máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng, phương tiện vận tải và các phương tiện khác dùng vào việc duy trì, khai thác và quản lý các công trình thủy nông, không kể khấu hao cơ bản các máy bơm lớn; (b) Chi phí sửa chữa lớn, tu bổ, sửa chữa thường xuyên các công trình xây dựng đúc và bằng đất, ngoài số nhân công do nhân dân đóng góp; (c) Chi phí về điện và xăng dầu; (d) Chi lương cho cán bộ, nhân viên và chi phí quản lý của các xí nghiệp thủy nông. Để giảm nhẹ TLP, tạm thời chưa tính khấu hao cơ bản các công trình xây đúc và bằng đất và khấu hao cơ bản các máy bơm lớn, xem đây như một khoản trợ cấp của Nhà nước đối với nông nghiệp. Mức thu TLP tính theo tỷ lệ phần trăm trên sản lượng trung bình của ruộng đất, ví dụ tưới và tiêu bằng trọng lực thu 4-6,5% cho vụ Xuân. Như vậy Nghị định ND66-CP và ND 112-HĐBT đã tạo ra phần nào cơ chế thị trường cho công tác thủy nông mặc dù trong nền kinh tế kế hoạch. Với số TLP thu được đã trang trải đến 60% chi phí của IMC, song đối với người nông dân là một gánh nặng chi phí đáng kể.

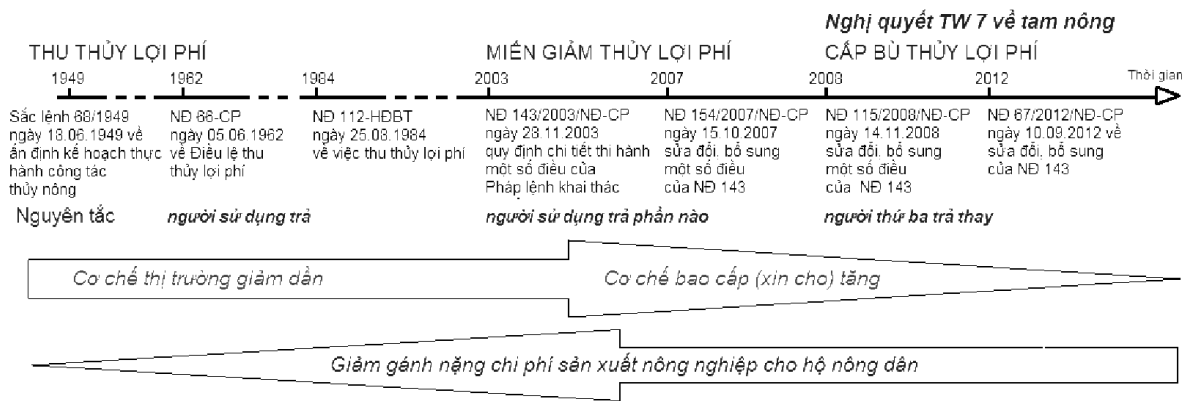
- Sau gần 20 năm vận dụng, Chính phủ ban hành ND 143/2003/ND-CP ngày 28.11.2003 về thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác. Trong đó, Điều 16 có tạo điều kiện miễn giảm TLP do thiên tai mất mùa và IMC được

phép xin cấp bù lượng TLP bị thất thu. Điều này vô cùng cần thiết để chia sẻ khó khăn của người dân.

- Tiếp theo năm 2007 Chính phủ ban hành Nghị định 154/2007/ND-CP ngày 15.10.2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của ND 143. Như vậy một bước tiếp theo nhằm miễn giảm TLP cho người nông dân từ điểm lấy nước ở nguồn cho đến "cống đầu kênh", còn vẫn chi trả đầy đủ cho tổ chức hợp tác dùng nước theo thỏa thuận để phục vụ cho hoạt động của các tổ hợp tác dùng nước từ vị trí "cống đầu kênh" của hợp tác dùng nước đến mặt ruộng. Sau đó mấy tháng, Chính phủ ban hành tiếp ND 115/2008/ND-CP ngày 14.11.2008. Trên cơ sở đó Điều 1, khoản 5 có quy định miễn TLP cho các hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối trên mảnh đất được Nhà nước giao, được thừa kế, cho, tặng, nhận chuyển nhượng hợp pháp.

- Để tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách miễn TLP, Chính phủ ban hành ND 67/2012/ND-CP ngày 10.09.2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/ND-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Bộ Tài chính có Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/04.2013 hướng dẫn thi hành một số điều của ND 67/2012/ND-CP. Những bổ sung sửa đổi sẽ là một trong những giải pháp tích cực đầu tư công vào nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chính sách "tam nông" theo Nghị quyết số 26/NQ-TU khóa X.

Như vậy, trong chính sách về TLP Chính phủ đã chuyển từ việc áp dụng cơ chế thị trường khá thành công trong suốt 25 năm (1962-2007) ngay trong nền kinh tế kế hoạch, sang cơ chế "xin cho" mang tính bao cấp (Hình 1). Nếu trong giai đoạn đầu, nông dân là người hưởng thụ dịch vụ và chỉ chi trả khi hài lòng với nó. Sang giai đoạn thứ hai, họ được miễn giảm phần nào và giai đoạn thứ ba thì Chính phủ trả thay cho người nông dân theo nguyên tắc "người thứ ba trả tiền dịch vụ".

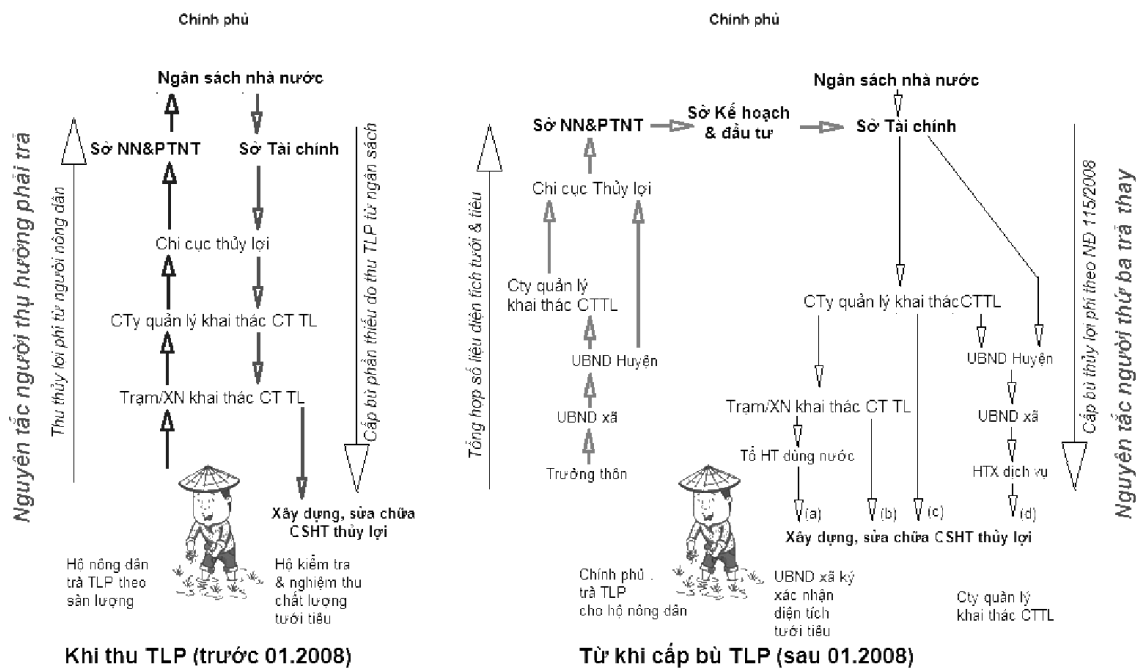


Hình 1. Chính sách TLP ở Việt Nam trong 70 năm qua

### 3.2. Thực tế thực hiện ở một số địa phương

Hoàng Thái Đại & cs (2010) cho thấy một số địa phương đã tiến hành miễn giảm từng phần trước khi có ND 154/2007/NĐ-CP. Trong nghiên cứu ở tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn Song & cs (2009) cho thấy chính sách miễn TLP làm giảm chi phí sản xuất và tăng thu nhập cho các hộ nông nghiệp, nhưng đã gây ra một số tác động tiêu cực như: Giảm ý thức người dân trong sử dụng tiết kiệm nước,

giảm ý thức bảo vệ công trình thủy lợi. Còn xét về tổng thể ở góc độ của nền kinh tế thì chính sách làm giảm phúc lợi xã hội do Ngân sách phải cấp bù, mất công bằng giữa các hộ nông dân ở đầu và cuối nguồn, giữa các hộ trong canh tác (hộ giàu thường gieo trồng nhiều lần, nghèo chỉ tập trung chuyên canh hai vụ lúa), làm giảm diện tích một số cây trồng vụ đông do tính chất "xin cho" trong tưới tiêu và tính phức tạp về lịch tưới của cây vụ đông.



Hình 2. Sơ đồ so sánh hai cơ chế về chính sách thủy lợi phí (trước và sau 01.2008)

**Bảng 1. Số liệu cấp bù cho IMC các tỉnh trong các năm 2012-2014**

Tỉnh, cty thủy nông	D.tích tưới vụ (ha) năm 2014			TLP cấp bù năm (tỷ đ)		
	ĐX	HT	Đông	2012	2013	2014
Hà Giang, toàn tỉnh	27.737	9.870	0	20,28	36,98	30,83
Phú Thọ	14.461	13.423	5.313	20,37	37,93	42,05
Thanh Hóa, Cty Nam Sông Mã	14.091	14.235	6.421	22,24	34,26	34,27
Quảng Trị	15.578	15.335	0	26,98	30,33	32,97
Quảng Nam	49.747	24.630	25.117	35,99	46,77	44,09

Hình 2 so sánh hai cơ chế ở góc độ quan hệ giữa người nông dân (người hưởng lợi/dịch vụ) và các đối tác trong chuỗi cung ứng dịch vụ (trực tiếp như IMC, gián tiếp chi cục thủy lợi, các sở và Chính phủ). Trước khi có chính sách cấp bù TLP, dòng thu tiền từ các hộ nông dân sử dụng nước thông qua việc thu TLP đến ngân khố quốc gia, sau đó có dòng tiền đầu tư từ ngân quỹ quốc gia xuống đến hệ thống thủy lợi. Sau khi ban hành chính sách cấp bù TLP thì hình thành hai dòng: dòng tổng hợp số liệu diện tích tưới tiêu và bốn dòng tiền "chảy ngược" từ ngân quỹ quốc gia về các công ty thủy nông, huyện, xã và tổ chức dùng nước theo bốn đường chính (a-d). Do vậy theo Nguyễn Văn Song & cs, 2009 đã xuất hiện hiện tượng báo cáo không đúng về công tác thủy lợi nhằm nhận tiền cấp bù nhiều hơn từ ngân sách, đó là hiện tượng "cấp đúp", "cấp chồng" diện tích. Do vậy diện tích trình lên Bộ Tài chính để xin cấp bù tăng liên tục hàng năm, song thực tế không phải như vậy. Trong Bảng 1 thể hiện mức cấp bù TLP qua các năm của một vài tỉnh trong dự án WB7 làm ví dụ.

#### 4. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH DƯỚI GÓC ĐỘ KINH TẾ HỌC

Sau đây sẽ phân tích về mặt kinh tế học các phương án về thu và cấp bù TLP, tương tự Field (2008) đã chứng minh tác dụng về mặt kinh tế học của mức giá trung bình, giá giảm hoặc tăng theo mức/block trong cấp nước sạch và chuyển quyền trong thương mại nước. Trong Hình 5 điểm xuất phát là: Đường cầu của tưới Dt (bằng lợi ích cận biên do tưới) Dt=MB và đường cung cấp dịch vụ tưới của IMC là St (bằng chi phí sản xuất cận biên St=MC, giả sử xuất phát từ điểm

0), diện tích tưới tối đa là Fmax, diện tích tưới kỹ thuật/thiết kế Fkt ứng với tình trạng kỹ thuật của hệ thống, đoạn đường kênh chính CA-CE do IMC quản lý, các cống ảo đầu kênh là C0, C1, C2 và C3 ứng với các trường hợp. Thị trường tưới cân bằng ở điểm A ứng với diện tích tưới F0 và giá/phí tưới p0. Diện tích tưới đảm bảo về mặt kinh tế của IMC là F0. Cống đầu kênh do IMC quản lý là C0. Tổng khoản phí mà nông dân phải trả là  $\Sigma=p_0+TLP$  nội đồng (kể cả khấu hao cơ bản và sửa chữa lớn). Trong phân tích ba chính sách sau sẽ tập trung nghiên cứu phản ứng của hai bên liên quan: IMC và người nông dân.

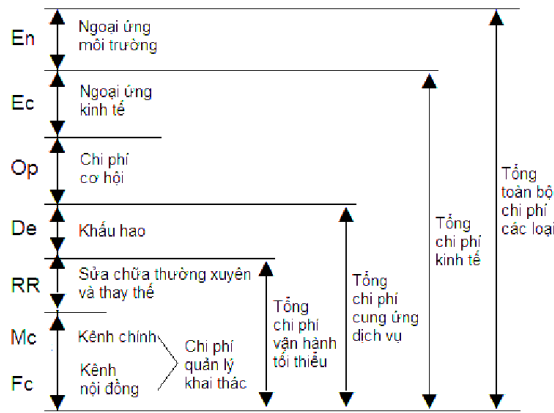
#### Chính sách 1: Thu thủy lợi phí theo thị trường và cấp bù một phần cho IMC (tương tự như trước 2008)

Trong Hình 4, do công tác quản lý (về tổ chức, kỹ thuật và kinh tế) của IMC còn nhiều vấn đề bất hợp lý, nên trước hết buộc IMC phải chuyển đổi hay đổi mới cơ bản về sản xuất và kinh doanh. Đường cung thực tế St được chỉnh thành S1 và thị trường có điểm cân bằng mới là B, ứng với diện tích tưới F1 và giá/phí tưới p1. Kết quả là diện tích tưới được mở rộng và người nông dân trả ít TLP hơn:  $\Delta$ diện tích=F1-F0 và  $\Delta$ phí = p0-p1. Cống đầu kênh do IMC quản lý là C1, dài hơn C0. Tổng khoản phí mà nông dân trả là  $\Sigma=p_1+TLP$  nội đồng. Do diện tích tưới bắt buộc là Fkt nên có một trong hai khả năng xảy ra:

a) Trước mắt chính phủ phải cấp bù một khoản CD và đường cung bổ sung là S2. Đồng thời từng bước buộc IMC phải cải tổ cơ cấu để sản xuất hiệu quả và tiết kiệm hơn (nghĩa là tiếp

tục hạ đường S1).

b) Thu thêm khoản TLP tương đương với mức p2 cho những diện tích khó tưới (nằm trong khoảng từ F1 đến Fkt). Về phía người nông dân, khoản thu thêm là vô cùng khó khăn và dễ dẫn



Hình 3. Các thành phần chi phí của tài nguyên nước (có bổ sung của tác giả) (nguồn: Global Water Partnership, 2000)

**Chính sách 2: Cấp bù gián tiếp toàn bộ thủy lợi phí cho người nông dân (tương tự chính sách hiện nay)**

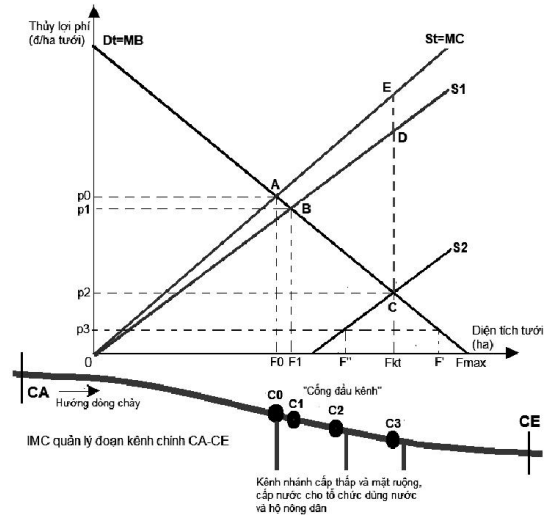
Trong Hình 5, giả sử Chính phủ cấp bù toàn bộ TLP tương tự NĐ 115/2008/NĐ-CP. Toàn bộ lượng cấp bù bằng diện tích tưới được đăng ký (tương đương diện tích tưới kỹ thuật) nhân với mức cấp bù cho một hecta trong vùng (song sẽ có những hành vi "tham lam" nhằm tăng lượng TLP cấp bù với lý do diện tích tăng lên Fmax). Có mấy kịch bản diễn ra như sau:

a) Trường hợp lý tưởng nhất - Cấp đủ khoản kinh phí cấp bù (đúng bằng diện tích tam giác 0-Fkt-C): Cổng đầu kênh lúc này là C3 thay vì C0. Đây là trường hợp cấp bù hoàn toàn và mọi việc diễn ra xuôi xẻ: Người nông dân không phải đóng TLP (ngoài phần nội đồng) và IMC hoạt động như cũ (BAU).<sup>4</sup>

b) Trường hợp xấu - Cấp thiếu (diện tích nhỏ hơn nhiều so với tam giác 0-Fkt-C) do nhiều yếu tố như tình hình hạn hẹp của ngân quỹ quốc gia, mức cấp bù vùng được ban hành không phù

<sup>4</sup> Khái niệm trong tiếng Anh cho "Business as usual"

đến việc cắt giảm diện tích tưới. Như vậy sẽ trái với chính sách tưới của Chính phủ. Nếu giá cả nông sản cao, người nông dân buộc phải chi trả thêm hoặc buộc phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp và/hay tưới tiết kiệm.



Hình 4. Phân tích chính sách 1

hợp với tình hình thực tế của địa phương, ...Nếu không phụ thu TLP thì dẫn đến: (1) Mâu thuẫn trong phân phối nước (đầu kênh thừa và cuối kênh thiếu) vì nông dân cố gắng tưới tới diện tích Fkt hoặc thậm chí Fmax và (2) IMC thiếu kinh phí trong bảo dưỡng sửa chữa. Sau vài năm chính sách không kịp đổi mới thì lượng kinh phí cấp bù về mặt giá trị giảm đi, ví dụ chỉ còn EF thì tình trạng còn trở nên tồi tệ hơn. Trong trường hợp này, buộc IMC phải thay đổi nhiều để giảm đường cung xuống S1 và S2 bằng áp dụng tổng thể các biện pháp trong quản lý kỹ thuật và kinh tế.

Trong cả hai trường hợp, người nông dân không có bất cứ động lực nào để thay đổi hành vi sử dụng nước của mình và trông chờ hoàn toàn vào trợ giúp của Chính phủ. Còn công ty với nhiệm vụ công ích thì phải hoạt động hết sức để hoàn thành nhiệm vụ.

**Chính sách 3: Cấp bù trực tiếp toàn bộ thủy lợi phí cho người nông dân và được giao cho ngân hàng ủy thác – Một chính sách hướng tới trong tương lai**

Trong Hình 6, lượng cấp bù TLP là hình chữ



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Field, B.C. (2008), *Natural Resource Economics: An Introduction*.
- Fontenelle, J.-P. & Molle, F. (2002), *The Intricacies of Water Pricing in the Red River Delta*, IWMI paper
- Hoàng Thái Đại & cs (2010), *Chính sách miễn, giảm thủy lợi phí và quan điểm các tác nhân về chính sách miễn, giảm thủy lợi phí tại một số địa phương*. Đặc san KHCN Thủy lợi
- Nguyễn Thị Song An (2008), *Miễn phí thủy lợi cho nông dân: Một chủ trương đúng nhưng chưa đi vào thực tế*
- Nguyễn Xuân Tiệp (2006), *Thư ngỏ gửi Thủ tướng về thủy lợi phí*.
- Nguyễn Xuân Tiệp (2007), *Thủy lợi phí – Miễn, giảm như thế nào?*, Tạp chí Quản lý Kinh tế – CIEM số 12 - 1+2/2007
- Nguyễn Xuân Tiệp (2008), *Miễn giảm thủy lợi phí cho nông dân: Tại sao không*, nguồn: [www.vncold.vn](http://www.vncold.vn)
- Nguyễn Văn Song & cs (2009), *Tình hình thực thi chính sách miễn thủy lợi phí ở tỉnh Vĩnh Phúc: Những mặt tích cực và hạn chế*. Tạp chí Khoa học và Phát triển 2009: Tập 7, số 6, tr. 808-818
- Phi Hùng (2015), “*Ngân sách cấp bù thủy lợi phí là "môi ngon" cho tham nhũng*” và “*Quản lý khai thác công trình thủy nông: Tư nhân hóa, sẽ cắt giảm 1/3 ngân sách?*” Báo Pháp luật ngày 29.05.2015
- Tessier, O. (2012), *Quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng: Nhìn nhận lịch sử về vai trò của nhà nước phong kiến và nhà nước thuộc địa (từ thế kỷ XII – nửa đầu thế kỷ XX)*. Nguồn: <http://www.tamdaoconf.com/tamdao/wp-content/uploads/downloads/2013/07/2012.-Phien-hoc-toan-the-1.pdf>

### Abstract:

#### IRRIGATION WATER PRICING POLICY IN VIETNAM - DISCUSSION AND ANALYSIS FROM THE ECONOMICS PERSPECTIVE

*Irrigation water prices (TLP) is an important problem, especially after seven years of implementation of the subsidy policy in accordance with Decree 115/2008 / ND-CP, there are many unsolvable problems mentioned in different studies. In this article, based on plentiful resources, interviews with experts working for long time with TLP and surveys in some provinces, the author systematised the TLP policies in the past 70 years in Vietnam, as well as analyzed three typical policies under the perspective of economics, ie analyzed the behavior of actors directly affected by policy (farmers & irrigation management company).*

**Keywords:** Irrigation water pricing (fee), policy, O&M cost.

---

*BBT nhận bài: 20/10/2015*

*Phản biện xong: 17/12/2015*